

Số: **298**/QĐ-KBXI

Thanh Hoá, ngày **29** tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt E-HSMT và tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Gói thầu: Thi công xây lắp

Công trình: Cải tạo, sửa chữa nhỏ

tại phòng Giao dịch số 6, KBNN khu vực XI

GIÁM ĐỐC KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XI

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2025 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định 104/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 66/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính quy định phân cấp thẩm quyền quản lý nội ngành của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 5732/QĐ-KBNN ngày 20/6/2025 của Giám đốc Kho bạc Nhà nước (KBNN) về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của KBNN khu vực thuộc KBNN;

Căn cứ Quyết định số 12600/QĐ-KBNN ngày 30/12/2025 của Giám đốc KBNN về việc ban hành quy định thực hiện phân cấp thẩm quyền trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, tài sản công trong hệ thống KBNN theo Thông tư 66/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 12677/QĐ-KBNN ngày 31/12/2025 của Giám đốc KBNN về việc phê duyệt nhiệm vụ và giao dự toán kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản công năm 2026 cho các đơn vị thuộc hệ thống KBNN;

Căn cứ Quyết định số 12678/QĐ-KBNN ngày 31/12/2025 của Giám đốc KBNN về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng năm 2026 của KBNN;

Căn cứ Quyết định số 12689/QĐ-KBNN ngày 31/12/2025 của Giám đốc KBNN về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 272/QĐ-KBXI ngày 12/6/2026 của Giám đốc KBNN khu vực XI về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình cải tạo, sửa chữa nhỏ tại phòng Giao dịch số 6, KBNN khu vực XI;

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-KBXI ngày 12/6/2026 của Giám đốc KBNN khu vực XI về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình cải tạo, sửa chữa nhỏ tại phòng Giao dịch số 6, KBNN khu vực XI;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài vụ - Quản trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt E-HSMT và tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT gói thầu thi công xây lắp công trình cải tạo, sửa chữa nhỏ tại phòng Giao dịch số 6, KBNN khu vực XI (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao phòng Tài vụ - Quản trị KBNN khu vực XI chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo E-HSMT được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng phòng Tài vụ - Quản trị, Tổ trưởng và các thành viên của Tổ Chuyên gia đấu thầu Công ty cổ phần Xây dựng và thương mại Hùng Mạnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TVQT, nhunglt121 (06b).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hữu Viên

PHỤ LỤC
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT
Gói thầu: Thi công xây lắp
Công trình: Cải tạo, sửa chữa nhỏ tại phòng Giao dịch số 6,
KBNN khu vực XI
(Kèm theo Quyết định số 298/QĐ-KBXI ngày 29/6/2026
của Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI)

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu¹ không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11

¹ Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

(11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSĐT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm²

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSĐT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công xây dựng trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSĐT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở

² Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, E-HSMT có thể bao gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc không bao gồm tiêu chuẩn này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT). Nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm để đối chiếu trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm);

đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của *một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam* tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09C Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽³⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁴⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08A
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁵⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 3.984.722.222 ⁽⁶⁾ VNĐ.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08A
3.3	Yêu cầu về nguồn lực tài	Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao ⁽⁷⁾ , hạn mức tín dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn	Không áp dụng	Mẫu số 08B, 08C

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
	chính cho gói thầu	<p>khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 860.700.000 ⁽⁸⁾VNĐ.</p> <p>Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị: Tối thiểu 860.700.000 ⁽⁸⁾VNĐ; - Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày 30 tháng 12 năm 2026; - Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu. 		yêu cầu này		
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp	1. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm 01 công trình độc lập:	Phải thỏa mãn yêu	Phải thỏa	Phải thỏa mãn yêu	Mẫu số 05

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ		Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
	đồng xây lắp tương tự⁽⁹⁾	“Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 ⁽¹⁰⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn ⁽¹¹⁾ tối thiểu 02 công trình có: loại kết cấu công trình dạng nhà, cấp III ⁽¹²⁾ trong đó ít nhất một công trình có giá trị là $V = 507.421.935^{(13)}$ VND và tổng giá trị tất cả các công trình $\geq X = 1.014.843.869$ VND, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý ⁽¹⁴⁾ hoặc nhà thầu phụ trong đó $X = 2 \times V$. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn ⁽¹¹⁾ 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị $\geq X$ thì được coi là đáp ứng.	cầu này	mãn yêu cầu này	cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

a) Nhân sự chủ chốt:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự ⁽¹⁾	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1	Chỉ huy trưởng công trường	1	Tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	1. Trình độ chuyên môn: Đáp ứng yêu cầu tại Điều 86, Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. 2. Kinh nghiệm ở vị trí tương tự: Đã đảm nhận vị

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự ⁽¹⁾	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				<p>trí chỉ huy trưởng công trường tối thiểu 01 công trình tương tự về loại, cấp công trình (Công trình dạng nhà, cấp III).</p> <p>3. Tài liệu chứng minh: Có bản gốc hoặc bản sao chứng thực bằng cấp, chứng chỉ hoặc chứng nhận (nếu có); xác nhận của Chủ đầu tư hoặc biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng; và tài liệu có tính pháp lý tương đương khác.</p>
2	Cán bộ kỹ thuật phụ trách thi công xây dựng	1	Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	<p>1. Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp cao đẳng trở lên các chuyên ngành đào tạo về kỹ thuật liên quan đến xây dựng công trình.</p> <p>2. Kinh nghiệm vị trí tương tự: Đã đảm nhận vị trí phụ trách kỹ thuật thi công tối thiểu 01 công trình tương tự về loại, cấp công trình (Công trình dạng nhà, cấp III).</p> <p>3. Tài liệu chứng minh: Có bản gốc hoặc bản sao chứng thực bằng cấp; xác nhận của Chủ đầu tư hoặc biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng; và tài liệu có tính pháp lý tương đương khác.</p>
3	Cán bộ kỹ thuật phụ trách an toàn và vệ sinh lao động	1	Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	<p>1. Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành xây dựng công trình, giao thông, thủy lợi. Có chứng chỉ hoặc chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ ATLĐ còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>2. Kinh nghiệm vị trí tương tự: Đã đảm nhận vị trí phụ trách an toàn lao động và vệ sinh lao động tối thiểu 01 công trình tương tự tương tự về loại, cấp công trình (Công trình dạng nhà, cấp III).</p> <p>3. Tài liệu chứng minh: Có bản gốc hoặc bản sao chứng thực bằng cấp, chứng chỉ hoặc chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ ATLĐ còn hiệu lực; xác nhận của Chủ đầu tư hoặc đại diện Chủ đầu tư hoặc biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng; và tài liệu có tính pháp lý tương đương khác.</p>

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Ô tô tự đổ ≥ 5 tấn Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt; có đăng ký, đăng kiểm còn hiệu lực.	1
2	Máy trộn bê tông ≥ 150 L Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt; Sẵn sàng huy động cho gói thầu	1
3	Máy đầm bàn ≥ 1 KW Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt; Sẵn sàng huy động cho gói thầu	1
4	Máy đầm dùi ≥ 1 KW Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt; Sẵn sàng huy động cho gói thầu	1
5	Máy hàn điện công nghiệp công suất ≥ 250 lít Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt; Sẵn sàng huy động cho gói thầu	1
6	Máy thủy bình Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt; Sẵn sàng huy động cho gói thầu, có đăng kiểm còn hiệu lực	1
7	Máy kinh vĩ Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt; Sẵn sàng huy động cho gói thầu	1
8	Hệ thống giàn giáo thép thi công an toàn Đặc điểm thiết bị: Hoạt động tốt; Sẵn sàng huy động cho gói thầu	1

2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có): Không có

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nếu được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được cả 06 tiêu chí đánh giá (tối đa 02 tiêu chí chấp nhận được) quy định tại bảng sau:

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt, chấp nhận được	
		Đạt	Không đạt
1. Giải pháp kỹ thuật			
1.1. Giải pháp thi công sửa chữa Nhà làm việc	Có giải pháp kỹ thuật thi công chi tiết cho từng công việc nêu trong tiên lượng mời thầu phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công, có bản vẽ biện pháp thi công minh họa cho thuyết minh kỹ thuật gắn với hạng mục nhà làm việc Phòng Giao dịch số 6, KBNN khu vực XI ; có biện pháp thi công không ảnh hưởng đến hoạt động của các công trình xung quanh và hoạt động giao dịch bình thường của Phòng Giao dịch số 6, KBNN khu vực XI trong thời gian làm việc.	Đạt	
	Không có giải pháp kỹ thuật thi công cho từng công		Không đạt

	việc trong tiên lượng mời thầu hoặc có giải pháp kỹ thuật nhưng không hợp lý, không khả thi và không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công, không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Có bản vẽ nhưng không gắn biện pháp thi công nhà làm việc.		
1.2. Giải pháp thi công sửa chữa Nhà phụ trợ 01; 02; 03	Có giải pháp kỹ thuật thi công chi tiết cho từng công việc nêu trong tiên lượng mời thầu phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công, có bản vẽ biện pháp thi công minh họa cho thuyết minh kỹ thuật gắn với hạng mục Nhà phụ trợ 01; 02; 03 Phòng Giao dịch số 6, KBNN khu vực XI ; có biện pháp thi công không ảnh hưởng đến hoạt động của các công trình xung quanh và hoạt động giao dịch bình thường của Phòng Giao dịch số 6, KBNN khu vực XI trong thời gian làm việc.	Đạt	
	Không có giải pháp kỹ thuật thi công cho từng công việc trong tiên lượng mời thầu hoặc có giải pháp kỹ thuật nhưng không hợp lý, không khả thi và không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công, không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Có bản vẽ nhưng không gắn biện pháp thi công Nhà phụ trợ 01; 02; 03; biện pháp hoặc tiến độ thi công ảnh hưởng đến hoạt động của các công trình xung quanh hoặc hoạt động của Phòng Giao dịch số 6, KBNN khu vực XI trong thời gian làm việc.		Không đạt
1.3. Giải pháp thi công sửa chữa Nhà máy phát, Nhà để xe, Nhà bảo vệ, Cổng, tường rào, Sân vườn, Điện ngoài nhà, Phá dỡ	Có giải pháp kỹ thuật thi công chi tiết cho từng công việc nêu trong tiên lượng mời thầu phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công, có bản vẽ biện pháp thi công minh họa cho thuyết minh kỹ thuật gắn với hạng mục Nhà máy phát, Nhà để xe, Nhà bảo vệ, Cổng, tường rào, Sân vườn, Điện ngoài nhà, Phá dỡ Phòng Giao dịch số 6, KBNN khu vực XI; có biện pháp thi công không ảnh hưởng đến hoạt động của các công trình xung quanh và hoạt động giao dịch bình thường của Phòng Giao dịch số 6, KBNN khu vực XI trong thời gian làm việc.	Đạt	
	Không có giải pháp kỹ thuật thi công cho từng công việc trong tiên lượng mời thầu hoặc có giải pháp kỹ thuật nhưng không hợp lý, không khả thi và không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công, không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Có bản vẽ		Không đạt

	nhưng không gắn biện pháp thi công Nhà máy phát, Nhà để xe, Nhà bảo vệ, Cổng, tường rào, Sân vườn, Điện ngoài nhà, Phá dỡ; biện pháp hoặc tiến độ thi công ảnh hưởng đến hoạt động của các công trình xung quanh hoặc hoạt động của Phòng Giao dịch số 6, KBNN khu vực XI trong thời gian làm việc.		
2. Biện pháp tổ chức thi công			
2.1. Bản vẽ mặt bằng bố trí tổ chức thi công	Có biện pháp tổ chức thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công. Có bản vẽ bố trí mặt bằng thi công công trình Phòng Giao dịch số 6, KBNN khu vực XI phù hợp với biện pháp thi công.	Đạt	
	Không có biện pháp tổ chức thi công hoặc có biện pháp tổ chức thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công và không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Bản vẽ không gắn với công trình Phòng Giao dịch số 6, KBNN khu vực XI. và biện pháp tổ chức thi công.		Không đạt
Kết luận	Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt	
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.		Không đạt
2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường	Có sơ đồ hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công; biện pháp thi công.	Đạt	
	Không có sơ đồ hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.		Không đạt
Kết luận	Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt	
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt		Không đạt
3. Tiến độ thi công			
3.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 120 ngày.	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 120 ngày.	Đạt	
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 120 ngày.		Không đạt
3.2. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Có bảng tiến độ thi công hợp lý chi tiết cho từng công việc trong tiên lượng mời thầu, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt	
	Không có bảng tiến độ thi công hoặc có Bảng tiến độ thi công nhưng không chi tiết cho từng công việc trong tiên lượng mời thầu, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.		Không đạt

3.3. Tính phù hợp:	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 3 nội dung a, b và c.	Đạt	
a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công.			
b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công.	Đề xuất không đủ 3 nội dung a, b và c.		Không đạt
c) Giữa huy động vật tư, vật liệu và tiến độ thi công			
Kết luận	Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt	
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt		Không đạt
4. Các biện pháp bảo đảm chất lượng			
4.1. Cam kết chất lượng, nguồn gốc vật liệu sử dụng cho công trình, đối với toàn bộ vật tư, vật liệu chính: Sơn, xi măng, cát, đá, thép, gạch lát, gạch ốp ... và các vật tư thiết bị điện, thiết bị nước	Nhà thầu có danh sách vật liệu và thiết bị đưa vào công trình, nêu rõ nguồn gốc xuất xứ của vật liệu và thiết bị, tiêu chuẩn chất lượng. Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc của các loại vật liệu.	Đạt	
	Không có một trong các yêu cầu: Danh sách vật liệu; hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết cung cấp; không nêu rõ nguồn gốc xuất xứ của 01 vật liệu chính hoặc không có cam kết hay hợp đồng nguyên tắc của nhà sản xuất, đại lý cung cấp củ một loại vật liệu đã nêu tên ở mục 4.1 này.		Không đạt
4.2. Biện pháp cung cấp, quản lý sử dụng vật tư, vật liệu thiết bị cho thi công công trình	Có đầy đủ giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu, có biện pháp cung ứng vật tư vật liệu, thiết bị vào công trình không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Phòng Giao dịch số 6, KBNN khu vực XI.	Đạt	
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng và không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu, có biện pháp cung ứng vật tư vật liệu, thiết bị vào công trình làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Phòng Giao dịch số 6, KBNN khu vực XI.		Không đạt
4.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Đạt	

	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.		Không đạt
Kết luận	Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt	
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt		Không đạt
5.1. Vệ sinh môi trường			
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Đạt	
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.		Không đạt
5.2. Phòng cháy, chữa cháy			
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Đạt	
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.		Không đạt
5.3. An toàn lao động			
Biện pháp an toàn lao động	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Đạt	
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.		Không đạt
Kết luận	Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt		Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt		Không đạt
6. Bảo hành, bảo trì			
Thời gian bảo hành	Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng	Đạt	
	Thời gian bảo hành ≤ 12 tháng		Không đạt
Kết luận	Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt	
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt		Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**Phương pháp giá thấp nhất:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất./.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Viên